



## VĂN HOÁ DÂN GIAN NGƯỜI KHÁNG Ở TÂY BẮC\*

BÙI QUỐC KHÁNH

Người Kháng cư trú tập trung chủ yếu ở các tỉnh Lai Châu, Sơn La và Điện Biên. Cùng với người Xinh-mun, người Kháng chịu ảnh hưởng lớn của văn hoá Thái. Quá trình cư trú đan xen, giao lưu văn hoá phát triển mạnh, người Kháng cũng có xu hướng mai một rất nhanh về bản sắc văn hoá. Vùng người Kháng cư trú lại nằm trong vùng di dân tái định cư các thuỷ điện lớn ở Tây Bắc, các cộng đồng dân cư càng bị xé nhỏ, đan xen với mật độ dày đặc hơn, văn hoá dân gian người Kháng càng bị đẩy sát đến bờ vực thất truyền. Trong bối cảnh đó, cuốn sách “*Văn hoá dân gian người Kháng ở Tây Bắc*” của TS. Trần Hữu Sơn và các cộng sự do Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội ấn hành góp phần dựng nên bức tranh toàn cảnh văn hoá dân gian Kháng đã phần nào đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Cuốn sách dày hơn 500 trang được kết cấu thành 7 chương: Chương I: Khái quát về người Kháng ở Việt Nam; Chương II: Tín ngưỡng dân gian; Chương III: Các phong tục, nghi lễ liên quan đến chu kỳ đời người; Chương IV: Phong tục nghi lễ liên quan đến cây lúa nương; Chương V: Nghề thủ công truyền thống; Chương VI: Lễ hội; Chương VII: Dân ca Kháng.

Ở Chương I, nhóm tác giả đã dành toàn bộ dung lượng để giới thiệu khái quát về

người Kháng; từ tên gọi, dân số và phân bố dân cư cho đến điều kiện tự nhiên và đời sống kinh tế, tổ chức xã hội của người Kháng. Các thông tin trên thực sự cần thiết bởi nó đã phản ánh thực trạng người Kháng có dân số ít nhưng lại phân bố rải rác.

Trong Chương II, các tác giả đề cập đến tín ngưỡng dân gian: quan niệm về thế giới siêu nhiên và hồn người; phong tục thờ cúng tổ tiên và ma bản; người hành nghề tôn giáo và các nghi lễ tín ngưỡng liên quan. Bằng các thông tin sưu tầm được tại các địa bàn điền dã, các tác giả đã trình bày khá chi tiết, tỉ mỉ các quan niệm và các nghi lễ tín ngưỡng của người Kháng. Điều này đã minh chứng cho tầm quan trọng của tôn giáo tín ngưỡng trong đời sống tinh thần của người Kháng: nó chi phối nhận thức và hành động của cả cộng đồng và mỗi cá nhân; ảnh hưởng sâu rộng đến các loại hình của đời sống vật chất và tinh thần; quy định xu hướng phát triển của phong tục tập quán, văn học nghệ thuật...

Văn hoá dân gian Kháng bên cạnh những yếu tố truyền thống mang đậm bản sắc tộc người còn có nhiều thành tố tương đồng hoặc ảnh hưởng qua lại với các tộc người khác. Điều này được phản ánh trong các nghi lễ phong tục liên quan đến chu kỳ đời người được đề cập ở Chương III. Các phong tục, nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi con,

\* Trần Hữu Sơn (Chủ biên), Bùi Quốc Khánh, Phạm Công Hoan, Nguyễn Minh Tú, Nguyễn Văn Ngự (2010), *Văn hóa dân gian người Kháng ở Tây Bắc*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, khổ 14,5 x 20,5 cm.

hôn nhân, làm nhà mới, tang ma đều có sự pha trộn giữa các yếu tố truyền thống với các thành tố tương đồng của các tộc người khác cùng ngữ hệ Nam Á trong vùng như người Kơ-mú, người La Ha, hoặc ảnh hưởng qua lại với người Thái, người Lào.

Người Kháng vốn là cư dân nương rẫy. Tuy ngày nay, đồng bào đã biết làm ruộng nước, một số nơi còn làm kết hợp ruộng nước, ao cá, vườn rau, vườn rừng theo mô hình VACR... nhưng đó là các yếu tố mới. Trong đời sống văn hoá tinh thần, các phong tục, nghi lễ liên quan đến cây lúa nương vẫn chiếm vai trò chủ đạo. Nó chứa đựng những tri thức bản địa của người Kháng trong việc thích ứng với điều kiện tự nhiên để sinh tồn. Do đó, các tác giả đã dành toàn bộ Chương IV để giới thiệu về phong tục nghi lễ liên quan đến cây lúa nương, từ phân loại đất và chọn đất, các giống lúa và cây trồng xen canh, bộ công cụ, các công đoạn gieo trồng, kỹ thuật chống xói mòn và thiên tai cho đến các tập tục tương trợ, giúp đỡ nhau và các nghi lễ trong nông nghiệp nương rẫy.

Bên cạnh hoạt động canh tác nương rẫy, người Kháng còn duy trì nhiều nghề thủ công truyền thống. Chương V của cuốn sách đã giới thiệu hai nghề thủ công đặc trưng nhất của người Kháng là nghề mộc và nghề đan lát. Ở mỗi nghề, cuốn sách không chỉ giới thiệu được quy trình làm nghề, công cụ hành nghề và các tri thức dân gian như là những bí quyết để có được sản phẩm đẹp hay các sản phẩm của nghề mà còn nêu bật được vai trò của nghề mộc, nghề đan lát trong đời sống văn hoá tinh thần của người Kháng, đặc biệt là sự xuất hiện của yếu tố nghề thủ công trong tín ngưỡng và lễ hội.

Trong Chương VI, nhóm tác giả đã giới thiệu hai lễ hội rất độc đáo của người Kháng là lễ hội “*Xé pang ả*”. Trong khi lễ hội “*Xé pang ả*” mang màu sắc của sa man giáo, nhiều chi tiết tương đồng với lễ *Kin pang* của người Thái Đen, lễ *Sặng pang* của người La Ha thì lễ hội “Đánh bắt cá” duy nhất chỉ người Kháng mới có. Nó gắn liền với tập quán đánh bắt cá ven sông Nậm Mu của người Kháng ở xã Tà Hừa. Đặc biệt, một số hoạt động biểu tượng, một số tục hèm mang tính thiêng và rất đặc thù của người Kháng cũng đã được sưu tầm và miêu thuật trong chương sách. Điều đó thật sự có giá trị khi mà ở vùng người Kháng hiện nay rất ít khi tổ chức lễ hội. Nhiều nơi lễ hội chỉ còn trong ký ức của người già.

Chương VII của cuốn sách, nhóm tác giả giới thiệu một số bài dân ca Kháng thuộc các loại hình hát giao duyên, hát đối đáp nam nữ, hát nghi lễ, hát răn dạy với hai phần: phần phiên âm tiếng Kháng và phần dịch nghĩa tiếng Việt.

Bên cạnh những ưu điểm kể trên, cuốn sách vẫn còn những hạn chế nhất định. Do là chuyên khảo đầu tiên về văn hoá dân gian người Kháng, thời gian thực hiện ngắn nên cuốn sách mới chỉ dừng lại ở việc miêu thuật một số thành tố văn hoá dân gian, và có một số thành tố văn hoá dân gian khác như ẩm thực, nghệ thuật dân gian chưa được đề cập. Mặc dù vậy, cuốn sách cũng là một nguồn tham khảo có giá trị cho việc tìm hiểu văn hoá dân gian Kháng - một tộc người đang bị mai một về bản sắc văn hoá; đồng thời góp phần tìm hiểu tính tương đồng trong văn hoá của người Kháng với các dân tộc ngữ hệ Nam Á trong vùng và mối quan hệ giữa người Kháng với người Thái, soi sáng thêm quan hệ tộc người ở Tây Bắc.